

- ✓ Danh mục đa dạng
- ✓ Chất lượng vượt trội
- ✓ Lợi nhuận bất phá



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

SMART

PORTFOLIO

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư
SmartDragon

Tháng 10/2023

MỤC LỤC

01

CẬP NHẬT DANH MỤC ĐẦU TƯ THÁNG 10/2023

Danh mục đầu tư đa dạng nhiều chủ đề khác nhau tương ứng với từng khẩu vị rủi ro cũng như kỳ vọng của từng nhà đầu tư khác nhau

02

TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

SmartPortfolio là sản phẩm đầu tư thuộc nền tảng SmartDragon, nhằm cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với khẩu vị rủi ro của mỗi nhà đầu tư

03

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

SmartPortfolio sẽ kết hợp giữa hai phương pháp Top-down và Bottom-up để đưa ra những danh mục cổ phiếu khuyến nghị chất lượng

04

BAN PHỤ TRÁCH DANH MỤC ĐẦU TƯ

Là những thành viên có chuyên môn sẽ chịu trách nhiệm đánh giá, đưa ra nhận định với từng cổ phiếu và cơ cấu danh mục phù hợp với các nhóm đối tượng đầu tư

CẬP NHẬT DANH MỤC ĐẦU TƯ

Thị trường chứng khoán trong nước hoàn tất một tuần và một tháng giảm mạnh nhưng vẫn đạt thành quả tăng 3% trong quý 3 để ngược dòng chứng khoán thế giới. Thanh khoản toàn thị trường ở tuần cuối tháng 9 xuống mức thấp nhất trong vòng 10 tuần trở lại đây, tuy vậy tính chung cả tháng thì tháng 9 vẫn có mức thanh khoản cao nhất kể từ đầu năm, qua đó kéo thanh khoản quý 3 tăng ấn tượng. Tuần cuối quý 3 khối ngoại quay lại mua ròng nhưng tháng 9 vẫn là tháng có mức bán ròng mạnh nhất kể từ đầu năm, kết thúc quý 3 khối ngoại đang có chuỗi bán ròng 2 quý liên tiếp.

Con sóng tăng 4 tháng liên tiếp của thị trường nhờ lực đẩy từ 4 lần giảm lãi suất của NHNN nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đã bị chặn ngang trong tháng 9 vừa qua. Nhịp điều chỉnh mạnh 127 điểm (-10,23%) của chỉ số Vn-Index kể từ đỉnh 1.255 điểm sau khi tạo đỉnh thứ 2 là bình thường sau nhiều tháng tăng liên tục.

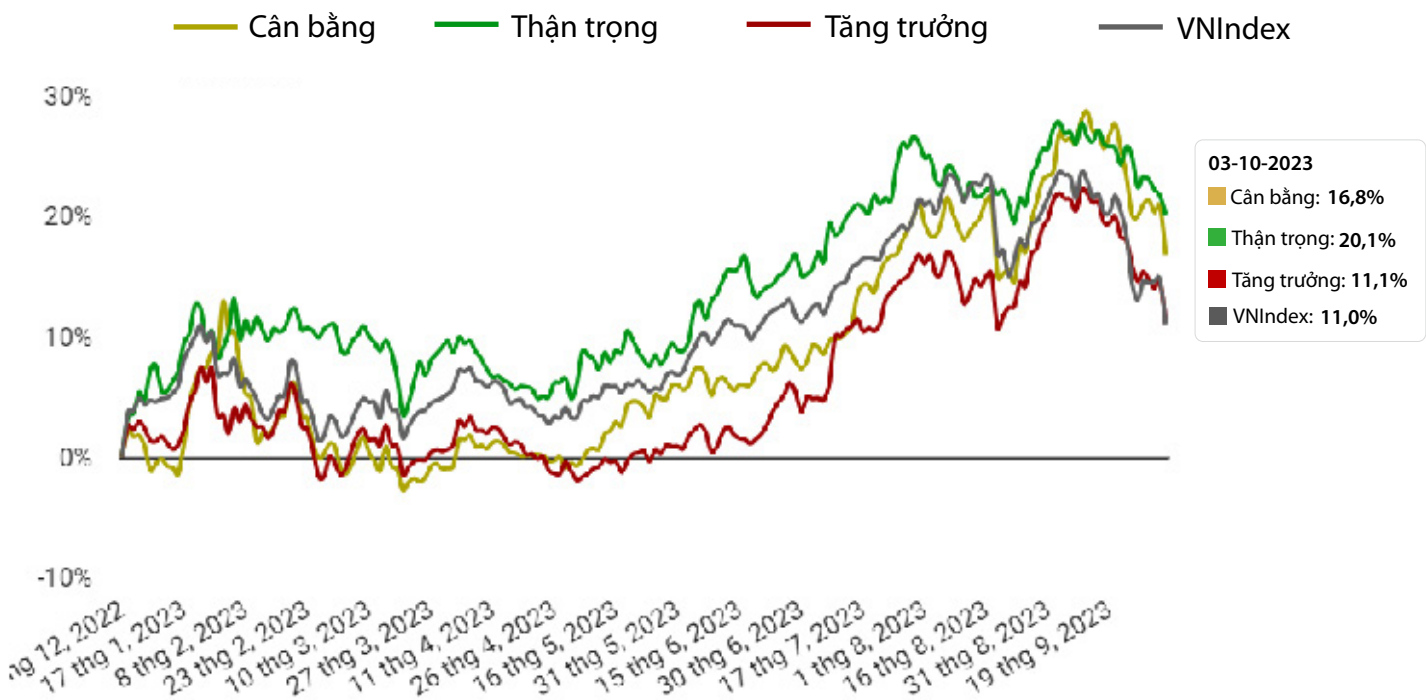
Thị trường hiện tại đã có đỉnh cao về chỉ số và thanh khoản, trong đó thanh khoản sẽ được chú ý hơn trong thời gian tới với kịch bản cơ sở là chỉ số Vn-index tạo vùng đáy ở khu vực 1.120 – 1.140 điểm. Thị trường đang ổn định trở lại sau loạt dữ liệu vĩ mô và phía trước là mùa báo cáo thu nhập quý 3. Thanh khoản trong thời gian tới khả năng sẽ tiếp tục giảm, chỉ số có thể retest vùng đáy và có thể mở rộng xuống phía dưới nhưng lực cầu bắt đáy sẽ tăng trong những phiên như vậy khi rủi ro cho việc mua mới hoặc cơ cấu danh mục đối với cổ phiếu đã giảm đáng kể.

Trong lần cập nhật danh mục này, chúng tôi cập nhật quan điểm và điều chỉnh cổ phiếu trong danh mục sau khi đánh giá lại các sự kiện kinh tế gần đây cũng như điểm nhấn đầu tư ở một số nhóm cổ phiếu kỳ vọng vượt trội hơn khi thị trường chung dần hồi phục trở lại. Cụ thể:

- Danh mục **Tăng trưởng**: chúng tôi thay thế **BID** bằng **BSR**
- Danh mục **Cân bằng**: chúng tôi thay thế **OCB, FPT** bằng **VNM, BSR**
- Danh mục **Thận trọng**: chúng tôi thay thế **FPT** bằng **BSR**

Để giúp nhà đầu tư bám sát cơ hội đầu tư, chúng tôi có cập nhật vùng mua ở một số các cổ phiếu để tận dụng nhịp điều chỉnh, giải ngân khi cổ phiếu chạm đến những vùng giá hấp dẫn hơn cho kỳ vọng 3 – 6 tháng tới.

HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ



Khoảng thời gian: Từ đầu năm (YTD)

Ngày cập nhật: 03-10-2023

DANH MỤC THẬN TRỌNG

- Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

> 7%

Tỷ suất cổ tức

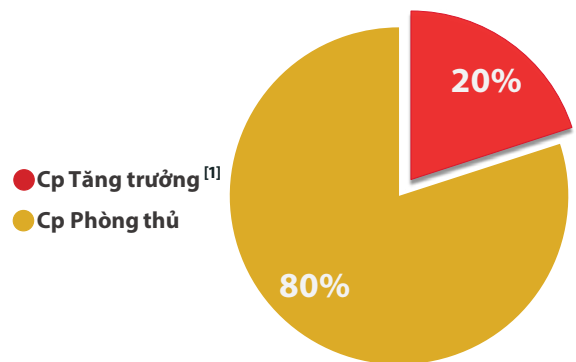
8-10%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục



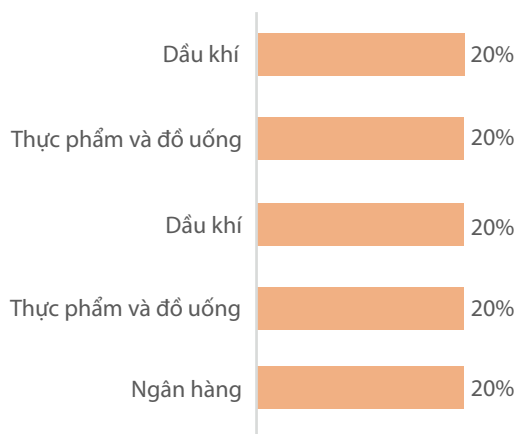
Danh mục cổ phiếu THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
PLX	●	Dầu khí	41.0	36.7	11.7%	35-36	20%	17.8	1.9
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	87.6	74.6	17.4%	72-74	20%	19.0	4.7
BSR	●	Dầu khí	23.8	20.8	14.4%	19-20	20%	13.8	1.3
QNS	●	Thực phẩm và đồ uống	52.8	48.5	8.9%	45-46	20%	9.7	2.2
VCB	●	Ngân hàng	99.5	86.4	15.2%	82-84	20%	15.2	3.2

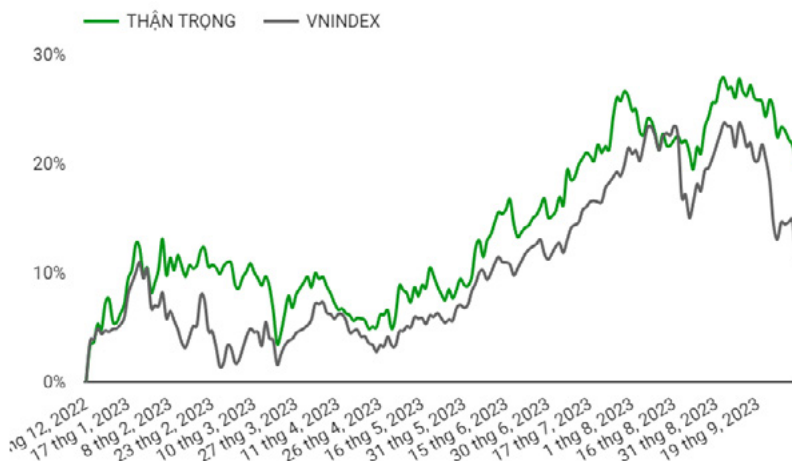
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Hiệu suất danh mục Thận trọng



*Dữ liệu được cập nhật tại ngày 03-10-2023

Điểm nhấn doanh nghiệp

PLX HOSE

Giá mục tiêu:	41,000
Giá hiện tại:	36,700
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.7%
Vùng mua:	35.000 - 36.000

SmartScore 60

ĐIỂM	Định giá	85
	Chất lượng	49
	Động lượng	43

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023):	-22.1%
+/- LNST (Q2/2023):	-
EPS: 2,056	P/E: 17.8
ROE: 9.6%	P/B: 1.9

PLX công bố số liệu KQKD Q2/2023 tích cực với LNST cổ đông công ty mẹ đạt 773 tỷ đồng trong khi cùng kỳ ghi nhận lỗ 196 tỷ đồng. Kết quả tích cực trên đến từ việc công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho mảng kinh doanh xăng dầu trong Q2/2023 trong khi cùng kỳ thực hiện trích lập hơn 800 tỷ đồng.

Triển vọng kinh doanh năm 2023 của PLX tích cực, việc hoạt động du lịch, kế hoạch mở mới 65 cửa hàng xăng dầu và sự ổn định của giá dầu giúp mảng kinh doanh chính là xăng dầu hồi phục mạnh mẽ sau khi kém khả quan trong năm 2022. Đi cùng với đó, các mảng kinh doanh khác như hóa dầu, nhiên liệu bay và sản phẩm LPG cũng được kỳ vọng tiếp tục trưởng tốt trong năm.

Ngoài ra, việc bán toàn bộ vốn tại PGB thông qua đấu giá công khai vào ngày 07/04 vừa qua sẽ giúp PLX có thể ghi nhận lợi nhuận lớn từ hoạt động thoái vốn với giá trị ước tính 700 tỷ đồng trong quý 3 tới. Hiện PLX đang giao dịch tại P/B là 2,1 lần, khá hấp dẫn so với mức trung vị quá khứ là 2,8 lần. Với dự báo LNST tăng trưởng cao trong năm 2023 và tiềm năng ghi nhận lợi nhuận lớn từ thoái vốn PGB, sẽ mở ra cơ hội đầu tư tốt cho cổ phiếu này.

VNM HOSE

Giá mục tiêu:	87,600
Giá hiện tại:	74,600
Lợi nhuận kỳ vọng:	17.4%
Vùng mua:	72.000 - 74.000

SmartScore **68**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023):	1.8%
+/- LNST (Q2/2023):	5.6%
EPS: 3,935	P/E: 19.0
ROE: 23.9%	P/B: 4.7

Trong 2Q23, doanh thu thuần và lợi nhuận ròng của VNM lần lượt đạt 15.195 tỷ đồng (+9,2% QoQ; +1,8% svck) và 2.198 tỷ đồng (+18,4% QoQ; +5,5% svck). Thị trường nội địa là động lực tăng trưởng chính. Lợi nhuận ròng tăng nhanh hơn doanh thu nhờ 1) xu hướng giảm của giá bột sữa nguyên liệu nhập khẩu; 2) tối ưu hóa chi phí BH&QLDN; và 3) thu nhập tài chính cao hơn.

Chúng tôi dự phóng doanh thu và LNST của cổ đông công ty mẹ trong nửa cuối năm 2023 lần lượt đạt 33.419 tỷ đồng (+7,3% svck) và 4.973 tỷ đồng (+19,3% svck). Giả định rằng giá bột sữa nhập khẩu tiếp tục xu hướng giảm do nhu cầu yếu từ Trung Quốc, biên gộp được kỳ vọng sẽ có xu hướng tăng trong giai đoạn Q3 và 4Q23. Cùng với mức nền thấp trong 4Q22, lợi nhuận ròng dự kiến của 4Q23 sẽ đạt mức tăng trưởng theo năm hai con số ở mức cao.

Cho cả năm 2023, doanh thu thuần của VNM kỳ vọng đạt 62.532 tỷ đồng (+4,3% svck), nhưng lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng cao hơn đạt 9.028 tỷ đồng (+6,0% svck), tương đương với EPS năm 2023 đạt 3.888 đồng (+7% svck). Nguyên nhân chính là giá bột sữa nhập khẩu giảm nhanh hơn so với kỳ vọng.

BSR HOSE

Giá mục tiêu:	23,800
Giá hiện tại:	20,800
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.4%
Vùng mua:	19.000 - 20.000

SmartScore **77**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023):	-35.7%
+/- LNST (Q2/2023):	-86.5%
EPS: 1,595	P/E: 13.8
ROE: 9.7%	P/B: 1.3

LNST 8 tháng đầu năm 2023 đạt 4,4 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 255,7% kế hoạch thận trọng của BLĐ và 69,5% dự báo cả năm của chúng tôi. Doanh thu đạt 91,6 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 96,0% kế hoạch của BSR và 65,1% dự báo cả năm của chúng tôi. Theo đó, LNST tháng 7-8/2023 đạt 1,45 nghìn tỷ đồng, tương đương 49,2% LNST nửa đầu năm 2023. Crack spread tại khu vực châu Á tăng hơn 1,5 lần, cho thấy tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ trong Q3-4/2023.

Crack spread 2:1:1 của khu vực châu Á (2 thùng dầu thô tinh luyện thành 1 thùng xăng và 1 thùng dầu diesel), tham chiếu lợi nhuận của BSR, đạt 27,7 USD/thùng (tăng 156,5% từ mức đáy trong tháng 4/2023 hoặc tăng 44,5% so với đầu năm). Chúng tôi tin rằng crack spread sẽ ở mức cao trong một vài tháng tới do nguồn cung thiếu hụt trong bối cảnh nhu cầu dầu thô và sản phẩm xăng dầu ổn định. Lưu ý, giá bán của BSR sẽ neo theo mức giá bình quân tại nhà máy trong 15-30 ngày tại Singapore.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 23.800đ, tiềm năng tăng giá là 23,3%. BSR sẽ được hưởng lợi nhờ xu hướng tăng của crack spread tại khu vực châu Á.

QNS HOSE

Giá mục tiêu: 52,800
Giá hiện tại: 48,500
Lợi nhuận kỳ vọng: 8.9%
Vùng mua: 45.000 - 46.000

SmartScore **73**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023): 43.3%
+/- LNST (Q2/2023): 94.9%
EPS: 4,964 P/E: 9.7
ROE: 23.9% P/B: 2.2

Giá đường thô kỳ hạn tại Mỹ tăng lên 27 cent/pound, mức cao nhất trong 12 năm, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino và khả năng Ấn Độ - quốc gia sản xuất đường lớn thứ hai thế giới - cấm xuất khẩu đường. Trong khi đó, giá đường trong nước tiếp tục giao dịch ở mức cao, tăng dần so với tháng trước. Giá đường RS hiện đang giao dịch khoảng 21.200đ/kg, tăng 16% so với đầu năm; trong khi giá đường RE đang giao dịch khoảng 22.200đ/kg, tăng 12% so với đầu năm.

Theo QNS, doanh thu thuần tháng 8/2023 tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ đạt 850 tỷ đồng trong khi LNTT tăng 50% so với cùng kỳ đạt 200 tỷ đồng. Lợi nhuận tăng trưởng mạnh tiếp tục nhờ mảng đường. Trong 8 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần tăng 26% so với cùng kỳ đạt 7.200 tỷ đồng và LNTT tăng mạnh 73% so với cùng kỳ đạt 1.530 tỷ đồng, vượt 5% dự báo của chúng tôi.

Chúng tôi hiện dự báo lợi nhuận thuần năm 2023 sẽ tăng trưởng 51% đạt 1.945 tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần năm 2024 sẽ tăng trưởng 12% đạt 2.186 tỷ đồng.

VCB HOSE

Giá mục tiêu: 99,500
Giá hiện tại: 86,400
Lợi nhuận kỳ vọng: 15.2%
Vùng mua: 82.000 - 84.000

SmartScore **62**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023): 9.4%
+/- LNST (Q/2023): 25.0%
EPS: 6,099 P/E: 15.2
ROE: 23.0% P/B: 3.2

VCB ghi nhận tổng thu nhập hoạt động (TNHĐ) đạt 17,4 nghìn tỷ đồng (+9,4% yoy) trong Q2/23 nhờ tăng trưởng thu nhập lãi thuần (NII) đạt 14 nghìn tỷ (+9,6% YoY) kết hợp với thu nhập ngoài lãi đạt 3,4 nghìn tỷ (+8,6% yoy). Việc kiểm soát tốt được chi phí hoạt động với CIR (TTM) giảm 100 bps xuống 30,6% và chi phí DPRR giảm 7,2% YoY giúp LNTT duy trì ở mức cao 9,2 nghìn tỷ (+25% yoy). Lũy kế 6T2023, tổng TNHĐ và LNTT lần lượt 35,9 nghìn tỷ (+10% yoy) và 20,5 nghìn tỷ (+18% yoy).

Các nguồn thu ngoài lãi chứng kiến sự phân hóa khi thu nhập từ hoạt động phí 1,6 nghìn tỷ (+133,% yoy) bù đắp cho sự chững lại của hoạt động giao dịch ngoại hối và hoạt động thu hồi nợ xấu đã xóa chậm lại. Nguồn thu nhập phí ghi nhận mức tăng trưởng cao trong quý 2 do sự thay đổi về cách ghi nhận khoản thu nhập phí bảo hiểm trả trước, tuy vậy, các hoạt động về thẻ, thanh toán duy trì tốt bù đắp sự sụt giảm về thanh toán quốc tế và hoạt động bảo hiểm.

Tăng trưởng tín dụng nửa sau 2023 của VCB dự kiến sẽ khởi sắc hơn khi nhu cầu từ các cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp lớn trong các lĩnh vực về tiện ích, xây dựng, hạ tầng trở lại. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi ước tính thu nhập lãi thuần sẽ tăng trưởng 8% lên 57,6 nghìn tỷ đồng với tăng trưởng tín dụng đạt xấp xỉ 11% và NIM duy trì ở mức 3,2%. Thu nhập ngoài lãi đạt 16,5 nghìn tỷ (+11% yoy). Tổng TNHĐ và LNTT theo đó ước tính lần lượt 74,0 nghìn tỷ (+8,8% yoy) và 43,1 nghìn tỷ (+15,3% yoy). LNST và EPS tương ứng lần lượt là 34,5 nghìn tỷ (+15,4%) và 6.145 đồng.

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
SZC	-	Bất động sản	40.0	35.7	12.0%	33-34,5	25.2	2.6	1,686
KBC	-	Bất động sản	40.0	31.8	26.0%	28-30	7.4	1.4	4,023
REE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	74.0	62.8	17.8%	58,5-60	9.9	1.6	7,125
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	50.0	46.0	8.7%	43-44,5	12.4	2.0	3,703
DPR	●	Hóa chất	58.0	31.6	83.5%	59-61	12.7	1.2	5,246
BMI	●	Bảo hiểm	30.0	25.9	16.1%	25-26	9.6	1.2	2,760
ACB	●	Ngân hàng	28.8	21.8	32.4%	20-21	4.8	1.3	3,697

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng

● Cổ phiếu Phòng thủ

- Đang cập nhật phân loại

DANH MỤC CÂN BẰNG

- Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 10-15%/năm.
- Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

> 5%

Tỷ suất cố tức

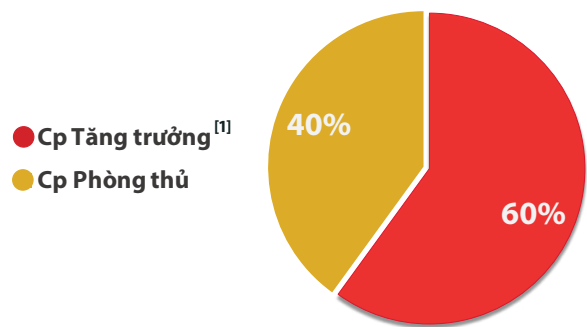
10-15%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục



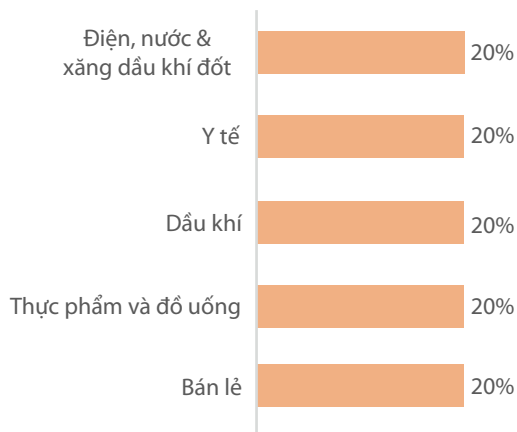
Danh mục cổ phiếu CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	50.0	46.0	8.7%	43-44,5	20%	12.4	2.0
DBD	●	Y tế	65.8	55.6	18.3%	53-54	20%	14.9	3.1
BSR	●	Dầu khí	23.8	20.8	14.4%	19-20	20%	13.8	1.3
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	87.6	74.6	17.4%	72-74	20%	19.0	4.7
MWG	●	Bán lẻ	57.6	50.0	15.3%	48-50	20%	49.6	3.3

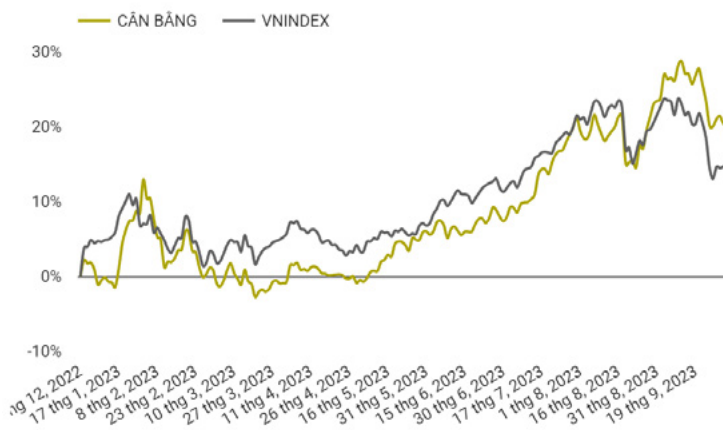
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Hiệu suất danh mục Cân bằng



Dữ liệu được cập nhật tại ngày 03-10-2023

Điểm nhấn doanh nghiệp

BWE HOSE

Giá mục tiêu:	50,000
Giá hiện tại:	46,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	8.7%
Vùng mua:	43.000 - 44.500

SmartScore 50

ĐIỂM	Định giá	40
	Chất lượng	51
	Động lượng	67

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023):	3.5%
+/- LNST (Q2/2023):	3.8%
EPS: 3,703	P/E: 12.4
ROE: 16.0%	P/B: 2.0

Lũy kế 6T2023, BWE đạt doanh thu thuần 1.558 tỷ đồng (-1.4% svck), LNST công ty mẹ đạt 350 tỷ đồng (-7,7% svck). Tổng sản lượng nước tiêu thụ đạt 90,63 triệu m³ (-2,5% svck). Với kết quả này, BWE đã lần lượt hoàn thành 41% kế hoạch doanh thu, 46% lợi nhuận sau thuế và 48,7% sản lượng nước tiêu thụ.

Trong Quý 2/2023, công ty tiết giảm được một số chi phí như: lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (7,85 tỷ đồng, cùng kỳ trích 30,6 tỷ đồng), ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá 2,8 tỷ đồng (cùng kỳ ghi nhận lỗ 21,7 tỷ đồng). Tuy nhiên, chi phí lãi vay ghi nhận 56,6 tỷ đồng (+58% svck). Nguyên nhân do công ty gia tăng vay nợ với doanh số trong kỳ đạt 1.265 tỷ đồng (+39% svck) trong bối cảnh mặt bằng lãi suất cao hơn. Trong đó, công ty tăng vay cả ngắn hạn và dài hạn, phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản nhà máy sản xuất phân compost 4 (công suất 840 tấn/ngày), lò đốt rác công suất 8.400 kg/giờ cùng các công trình khác, nâng cao năng lực cấp nước của các Nhà máy...

Với kế hoạch M&A và mở rộng mạng lưới cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tham vọng trong tương lai.

DBD HOSE

Giá mục tiêu:	65,800
Giá hiện tại:	55,600
Lợi nhuận kỳ vọng:	18.3%
Vùng mua:	53.000 - 54.000

SmartScore **62**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023):	22.9%
+/- LNST (Q2/2023):	20.7%
EPS: 3,652	P/E: 14.9
ROE: 20.1%	P/B: 3.1

Dự kiến KQKD trong Q3-FY23, doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 410 tỷ đồng (-1% QoQ, +4% YoY) và 79 tỷ đồng (-11% QoQ, 10% YoY). Lũy kế 9T2023, doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 1.206 tỷ đồng (+11% YoY) và 207 tỷ đồng (+22% YoY), tương ứng hoàn thành 67%, 84% kế hoạch năm và 69%, 68% dự phóng của chúng tôi.

DBD đang đàm phán với 8 đối tác chiến lược nước ngoài và chưa quyết định nhà đầu tư chính thức và mức giá kỳ vọng sẽ được tham chiếu với các thương vụ nước ngoài mua cổ phần của doanh nghiệp được trong lịch sử như Taisho với DHG, SK với IMP, Stada với PME, Abbott với DMC,... Theo chia sẻ của DBD, mức định giá trung bình EV/EBITDA, P/E, P/S các thương vụ trong lịch sử lần lượt là 19,6x, 26,5x và 3,5x.

Chúng tôi duy trì dự phóng cho năm 2023, doanh thu thuần và LNST lần lượt là 1.753 tỷ đồng (+13% YoY) và 298 tỷ đồng (+22% YoY), EPS cho năm 2023 là 3.890 đồng. Cho năm 2024, doanh thu thuần và LNST lần lượt là 1.973 tỷ đồng (+13% YoY) và 333 tỷ đồng (+12% YoY), EPS cho năm 2024 là 4.441 đồng.

Dự phóng CAGR 4 năm của LNST từ 2023F-2026F đạt 15%, chỉ số forward PEG ở mức 0,9x cùng với cổ tức tiền mặt ổn định 20%. Do đó, chúng tôi cho rằng, DBD đang có mức định giá hấp dẫn cho chiến lược đầu tư dài hạn. Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA cổ phiếu DBD.

MWG HOSE

Giá mục tiêu:	57,600
Giá hiện tại:	49,950
Lợi nhuận kỳ vọng:	15.3%
Vùng mua:	48.000 - 50.000

SmartScore **54**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023):	-14.2%
+/- LNST (Q2/2023):	-98.5%
EPS: 1,068	P/E: 49.6
ROE: 6.6%	P/B: 3.3

Doanh thu thuần tháng 8/2023 của MWG là 9.965 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ và đi ngang so với tháng trước, vượt 2% dự báo của chúng tôi là 9.748 tỷ đồng do doanh thu chuỗi BHX vượt kỳ vọng.

Doanh thu/cửa hàng của BHX tăng 21% so với cùng kỳ và 3% so với tháng trước đạt 1,65 tỷ đồng, cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi là 1,60 tỷ đồng. Doanh thu/cửa hàng tăng trong 7 tháng liên tiếp, với mức tăng 42% so với đầu năm. Chúng tôi kỳ vọng BHX sẽ đạt điểm hòa vốn vào tháng 12/2023 với doanh thu/cửa hàng đạt 1,75 tỷ đồng.

Doanh thu thuần của TGDĐ & ĐMX tiếp tục giảm 13% so với cùng kỳ nhưng tốc độ giảm đã chậm lại so với mức giảm lần lượt 20% và 25% trong tháng 7 và tháng 6/2023. Doanh thu thuần của TGDĐ & ĐMX là 6.800 tỷ đồng, sát với dự báo của chúng tôi.

Trong năm 2023, chúng tôi dự báo lợi nhuận sẽ chỉ là 656 tỷ đồng, giảm 84% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, chúng tôi dự báo lợi nhuận sẽ hồi phục 5 lần trong 2024 và tiếp tục tăng trưởng 29% trong năm 2025 nhờ nhu cầu đối với các sản phẩm điện máy cải thiện và đóng góp lợi nhuận từ BHX.

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
MBB	●	Ngân hàng	22.3	18.4	21.2%	17,5-18	5.3	1.2	3,828
CTG	●	Ngân hàng	31.6	29.3	7.8%	27,5-28,5	8.4	1.3	3,043
LHG	-	Bất động sản	50.0	32.5	53.8%	30-31,5	8.3	1.1	3,760
TCB	●	Ngân hàng	40.5	32.7	24.0%	31-32	6.6	1.0	4,915
GAS	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	92.0	87.5	5.1%	84-86	16.4	3.2	6,680
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	87.6	74.6	17.4%	72-74	19.0	4.7	3,935

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:



Cổ phiếu Tăng trưởng



Cổ phiếu Phòng thủ



Đang cập nhật phân loại

DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

- Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt
- Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường
- Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lại lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm

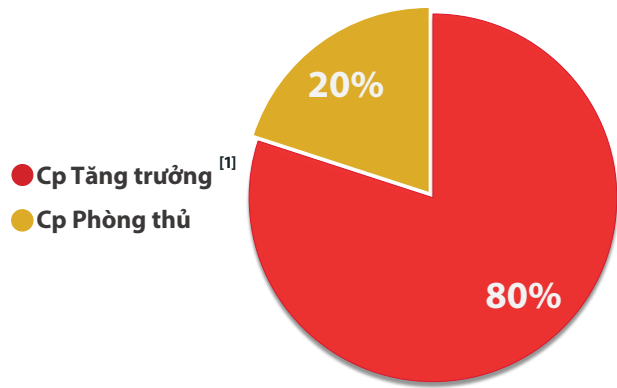
22-25%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục



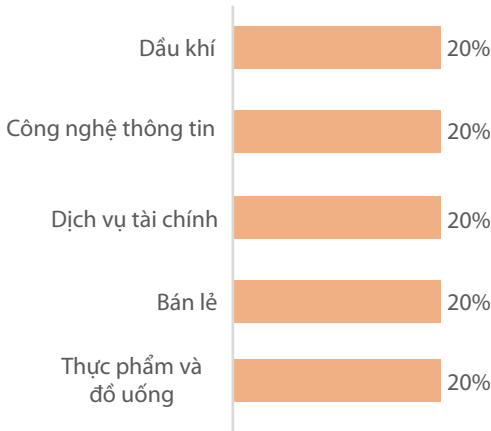
Danh mục cổ phiếu TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
BSR	●	Dầu khí	23.8	20.8	14.4%	19-20	20%	13.8	1.3
FPT	●	Công nghệ Thông tin	96.6	92.0	5.0%	84-86	20%	20.5	4.9
VCI	●	Dịch vụ tài chính	45.0	40.7	10.7%	36-38	20%	53.8	2.5
MWG	●	Bán lẻ	57.6	50.0	15.3%	48-50	20%	49.6	3.3
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	87.6	74.6	17.4%	72-74	20%	19.0	4.7

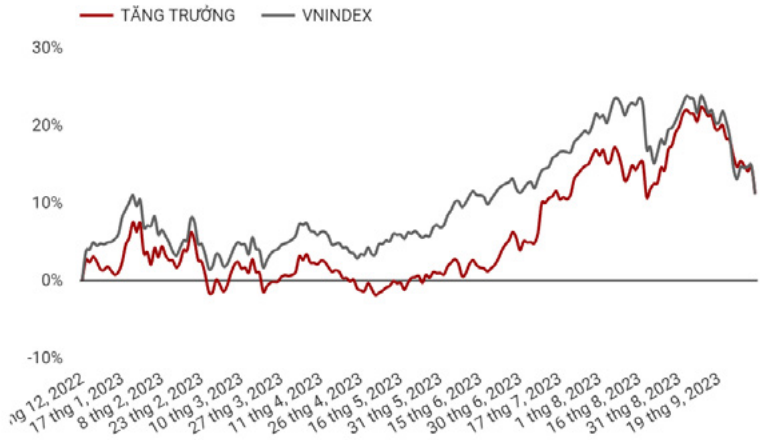
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Hiệu suất danh mục Tăng trưởng



Dữ liệu được cập nhật tại ngày 03-10-2023

Điểm nhấn doanh nghiệp

FPT HOSE

Giá mục tiêu:	96,600
Giá hiện tại:	92,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	5.0%
Vùng mua:	84.000 - 86.000

SmartScore 69

ĐIỂM	Định giá	45
	Chất lượng	78
	Động lượng	90

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023):	23.7%
+/- LNST (Q2/2023):	20.7%
EPS: 5,286	P/E: 20.5
ROE: 22.1%	P/B: 4.9

FPT đã công bố KQKD 8 tháng đầu năm 2023 (8M2023) với doanh thu đạt 32.8 nghìn tỷ đồng, +21.3% yoy và LNTT đạt 5.9 nghìn tỷ đồng, +19.2% yoy. Theo đó, FPT đã hoàn thành 63% kế hoạch doanh thu và 65% kế hoạch LNTT đặt ra cho cả năm. LNST-CĐTTS đạt 4.1 nghìn tỷ đồng, +20% yoy.

Mảng CNTT: tiếp tục tăng trưởng tích cực với tốc độ tăng doanh thu và lợi nhuận ở mức hai chữ số, được dẫn dắt chính bởi hoạt động xuất khẩu phần mềm (XKPM) ra nước ngoài tăng 30.4% yoy. Ngược lại, thị trường trong nước ghi nhận tốc độ tăng trưởng chậm hơn, ở mức 10.7% yoy do sự tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế.

Mảng viễn thông: Doanh thu và lợi nhuận ghi nhận mức độ tăng trưởng một con số, phù hợp với xu hướng chung của ngành do những lo ngại về doanh thu trung bình trên mỗi người dùng của mảng băng thông rộng và PayTV có thể giảm vào năm 2023. Mảng giáo dục và mảng khác: ghi nhận tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ về cả DT và LNTT. FPT đặt mục tiêu đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về nguồn nhân lực công nghệ trong nước và khu vực. Đây là mảng kinh doanh hứa hẹn mang lại khả năng sinh lời lạc quan cho công ty trong thời gian tới.

VCI HOSE

Giá mục tiêu: 45,000
Giá hiện tại: 40,650
Lợi nhuận kỳ vọng: 10.7%
Vùng mua: 36.000 - 38.000

SmartScore **51**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q2/2023): -51.9%
+/- LNST (Q2/2023): -61.1%
EPS: 782 P/E: 53.8
ROE: 5.0% P/B: 2.5

Trong quý 1/2023, tổng doanh thu hoạt động VCSC đạt hơn 499,2 tỷ đồng, giảm gần 37% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, lãi từ các khoản cho vay và phải thu giảm 21% xuống còn hơn 155,4 tỷ đồng. Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL là 155,4 tỷ đồng, giảm 32%. Do đó, lãi trước thuế 80,8 tỷ đồng giảm 84% so với cùng kỳ, mức lợi nhuận quý 1 thấp nhất mà công ty chứng khoán này ghi nhận kể từ năm 2016 đến nay. Lợi nhuận sau thuế cũng giảm 83% về 73,1 tỷ đồng.

Năm 2023, VCI lên kế hoạch doanh thu hoạt động năm 2023 đạt 3.246 tỷ đồng, tăng 2,8% so với mức thực hiện năm 2022. Tổng lợi nhuận trước thuế mục tiêu đạt 1.000 tỷ đồng, giảm 5,6% so với mức thực hiện năm 2022. VCI trình kế hoạch cổ tức 2023 là 10 - 20%, uỷ quyền cho HĐQT quyết định.

VCI thông báo ngày 16/5 tới đây sẽ chốt danh sách trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền. Tỷ lệ thực hiện quyền là 5%, tương ứng với mỗi cổ phiếu cổ đông sở hữu được nhận 500 đồng. Với hơn 435 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính VCI cần chi gần 218 tỷ đồng để trả cổ tức đợt này. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 6/6. Trước đó, ngày 9/1/2023, VCI đã chi hơn 300 tỷ đồng để trả cổ tức đợt 1/2022 cho cổ đông. Tại ĐHCĐ, Công ty dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2022 là 30% bằng tiền mặt. Như vậy, sau 2 đợt chi trả, mức cổ tức còn lại là 17%.

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
VPB	●	Ngân hàng	25.0	21.3	17.4%	20,5-21	12.3	1.4	1,742
TCB	●	Ngân hàng	40.5	32.7	24.0%	31-32	6.6	1.0	4,915
PVD	●	Dầu khí	26.8	25.2	0.6%	23-24	58.3	1.0	445
HDG	-	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	29.1	27.8	-22.7%	25-27	10.3	1.5	3,463
NLG	-	Bất động sản	36.7	33.9	6.6%	31-32	23.8	1.5	1,492
SZC	-	Bất động sản	40.0	35.7	2.8%	33-34,5	25.2	2.6	1,686
HAH	-	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	32,3	38,6	2,8%	26-28	6,9	1,6	8.666

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng

● Cổ phiếu Phòng thủ

- Đang cập nhật phân loại

HOT!

**DANH MỤC
THEO CHỦ ĐỀ**

#1 CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

PHR TDM BWE QNS BMP DBD ...

#2 ĐẦU TƯ CÔNG

HPG HSG DPG LCG PLC C4G HT1 CTD KSB ...

#3 MIDCAP NỔI BẬT

DGW BWE SCS PVT BMP CTR ...

#4 P/B < 1

POW PPC PVP VGT GIL MSB TCB TCH ...

#5 BDS DÂN DỤNG & KCN

NLG IJC KBC HDC KDH DPR ...

#1

CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
PHR	●	Hóa chất	49,0	47,5	3,2%	44-46	7,3	1,9	6.569
TDM	-	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46,5	41,5	12,0%	36,5-38	13,0	1,9	3.117
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	50,0	46,0	8,7%	43-44,5	12,4	2,0	3.703
QNS	●	Thực phẩm và đồ uống	52,8	48,5	8,9%	45-46	9,7	2,2	4.964
BMP	-	Xây dựng và Vật liệu	98,9	86,3	14,6%	76,1-78,1	7,2	2,6	12.203
DBD	●	Y tế	65,8	55,6	18,3%	53-54	14,9	3,1	3.652

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#2

ĐẦU TƯ CÔNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
HSG	-	Tài nguyên Cơ bản	18,1	19,4	-6,5%	17-18	-9,6	1,2	(2.178)
HPG	-	Tài nguyên Cơ bản	24,6	25,7	-4,3%	22,5-23,5	-81,1	1,6	(328)
DPG	-	Xây dựng và Vật liệu	42,9	36,9	16,3%	32,6-34,3	8,6	1,4	4.619
LCG	-	Xây dựng và Vật liệu	14,1	12,4	13,7%	11-11,4	25,2	0,9	479
PLC	●	Hóa chất	38,5	33,6	14,6%	30,2-31,1	24,7	2,1	1.404
C4G	●	Xây dựng và Vật liệu	15,0	12,9	16,3%	11,4-11,8	21,2	1,2	641
HT1	-	Xây dựng và Vật liệu	15,5	13,8	12,3%	11,8-12,6	76,5	1,0	176
CTD	-	Xây dựng và Vật liệu	54,5	46,7	16,7%	41,4-43,6	70,7	0,6	856
KSB	-	Tài nguyên Cơ bản	32,4	27,6	17,6%	24,2-25,9	18,7	1,1	1.476
VCG	-	Xây dựng và Vật liệu	28,1	24,3	15,6%	21,5-22,7	35,6	1,9	720

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng

● Cổ phiếu Phòng thủ

- Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#3

MIDCAP NỔI BẬT

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
DGW	-	Bán lẻ	66,3	56,3	17,8%	50,1-52,5	18,7	3,7	3.054
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	50,0	46,0	8,7%	43-44,5	12,4	2,0	3.703
SCS	-	Du lịch và Giải trí	75,0	67,3	11,4%	65-66	12,3	4,9	5.408
PVT	●	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26,0	27,8	-6,5%	23,5-24,5	9,4	1,4	2.956
BMP	-	Xây dựng và Vật liệu	98,9	86,3	14,6%	76,1-78,1	7,2	2,6	12.203
CTR	●	Xây dựng và Vật liệu	89,8	77,0	16,6%	67,5-71,4	18,1	5,3	4.237

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#4

P/B < 1

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
POW	-	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13,4	11,7	15,0%	10,3-10,7	19,1	0,9	603
PPC	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15,6	14,0	11,4%	13-13,5	10,5	0,9	1.322
PVP	-	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	16,6	14,5	14,9%	12,6-13,4	4,7	0,8	3.104
VGT	-	Hàng cá nhân & Gia dụng	14,6	12,5	16,8%	11-11,6	49,7	0,9	351
GIL	-	Hàng cá nhân & Gia dụng	37,2	31,8	17,2%	28,2-29,6	23,4	0,9	1.406
MSB	-	Ngân hàng	16,1	13,7	17,5%	12-12,7	5,7	0,9	2.401
TCB	●	Ngân hàng	40,5	32,7	24,0%	31-32	6,6	1,0	4.915
TCH	-	Bất động sản	13,4	11,5	16,5%	10,2-10,8	28,0	0,9	444
NKG	-	Tài nguyên Cơ bản	20,1	19,2	5,0%	17-18	-7,5	1,0	(2.655)
PAN	-	Thực phẩm và đồ uống	23,4	20,1	16,4%	17,8-18,8	14,5	0,9	1.348
LCG	-	Xây dựng và Vật liệu	14,1	12,4	13,7%	11-11,4	25,2	0,9	479
CTD	-	Xây dựng và Vật liệu	54,5	46,7	16,7%	41,4-43,6	70,7	0,6	856
CII	-	Xây dựng và Vật liệu	22,3	19,3	15,5%	17,1-17,9	87,0	0,9	193

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#5

BDS DÂN DỤNG & KCN

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
NLG	-	Bất động sản	36,7	33,9	8,3%	31-32	23,8	1,5	1.492
KDH	-	Bất động sản	39,3	29,5	33,2%	32-33	25,6	1,9	1.282
VHM	-	Bất động sản	52,1	45,0	15,9%	39,9-41,6	4,3	1,2	10.332
IJC	-	Bất động sản	16,6	14,1	18,1%	12,6-13,1	9,2	1,0	1.715
HDC	-	Bất động sản	35,5	30,2	17,7%	26,8-28,5	14,2	2,3	2.577
KBC	-	Bất động sản	40,0	31,8	26,0%	28-30	7,4	1,4	4.023
LHG	-	Bất động sản	50,0	32,5	53,8%	30-31,5	8,3	1,1	3.760
PHR	●	Hóa chất	49,0	47,5	3,2%	44-46	7,3	1,9	6.569
DPR	●	Hóa chất	58,0	31,6	83,5%	59-61	12,7	1,2	5.246
IDC	-	Bất động sản	53,1	46,1	15,2%	40,4-42,2	11,8	3,1	3.969
SZC	-	Bất động sản	40,0	35,7	12,0%	33-34,5	25,2	2,6	1.686
VGC	-	Xây dựng và Vật liệu	53,2	46,0	15,7%	40,7-42,6	18,1	2,8	2.651
GVR	-	Hóa chất	23,3	20,0	16,8%	17,3-18,4	27,5	1,6	713

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 03-10-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

Cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với từng khẩu vị rủi ro



Mục tiêu đầu tư

Tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ việc tăng trưởng vốn gốc và thu nhập cổ tức thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



Chiến lược đầu tư

Các danh mục mô phỏng theo chiến lược phân bổ cổ phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.

Với mục tiêu đầu tư cụ thể, tỷ trọng của các nhóm cổ phiếu sẽ được phân bổ khác nhau ở mỗi danh mục tùy thuộc vào mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận tương ứng của từng danh mục.



Cơ cấu đầu tư

Các danh mục sẽ có sự kết hợp tỷ trọng giữa các nhóm cổ phiếu giá trị, tăng trưởng, chủ đề và linh hoạt để tạo ra sự đa dạng về lợi suất kỳ vọng cũng như rủi ro.

Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề dựa theo tiềm năng tăng trưởng của ngành, tình hình kinh tế vĩ mô và thanh khoản trên thị trường.

Thời hạn đầu tư 6 - 12 tháng

Phương pháp đầu tư

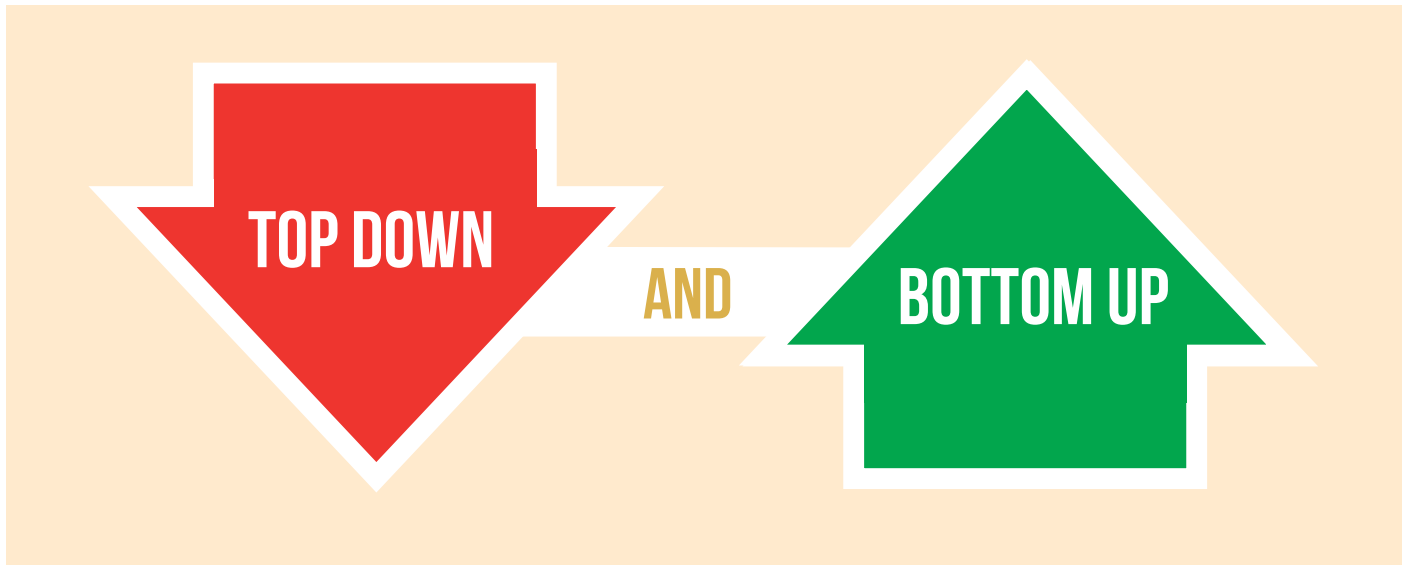
SmartPortfolio thiết kế các danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn so với các yếu tố cơ bản.

Cổ phiếu niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX. Vốn hóa cổ phiếu >1,000 tỷ VNĐ. Thanh khoản trung bình phiên trong 30 ngày gần nhất >100,000 cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá (bao gồm suất cổ tức kỳ vọng) của cổ phiếu > 15% trong chu kỳ 12 tháng.



PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Kết hợp Bottom-Up và Top-down để tìm kiếm các cơ hội đầu tư vượt trội



Đối với **phương pháp Top-down**, các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

1. Phân tích chỉ báo kinh tế vĩ mô, chính sách để tìm kiếm các ngành nghề triển vọng
2. Tìm kiếm cổ phiếu các doanh nghiệp tiềm năng nhất ngành dựa trên các yếu tố cơ bản như
 - Sức mạnh và sự ổn định tài chính, hiệu quả hoạt động,
 - Chất lượng quản trị & năng lực điều hành,
 - Lợi thế cạnh tranh, thị phần, quy mô, mô hình kinh doanh và loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp,
 - Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận.
3. Tập trung những cổ phiếu đang được định giá hấp dẫn so với giá trị thực cũng như tiềm năng tăng giá trong tương lai

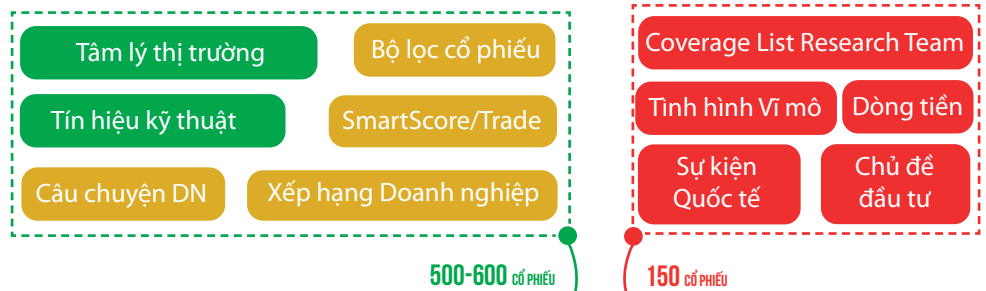


Đối với **phương pháp Bottom-up**, chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng

- Doanh nghiệp có tài sản ngầm, chưa được khai thác đầy đủ;
- Doanh nghiệp đang trong quá trình tái cấu trúc, thay đổi cơ cấu chủ sở hữu từ đó dẫn đến các cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh; Cổ phiếu liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập
- Cổ phiếu của các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước;
- Cổ phiếu có giá thị trường giảm sâu trong ngắn hạn và giảm sâu với giá định giá hợp lý;

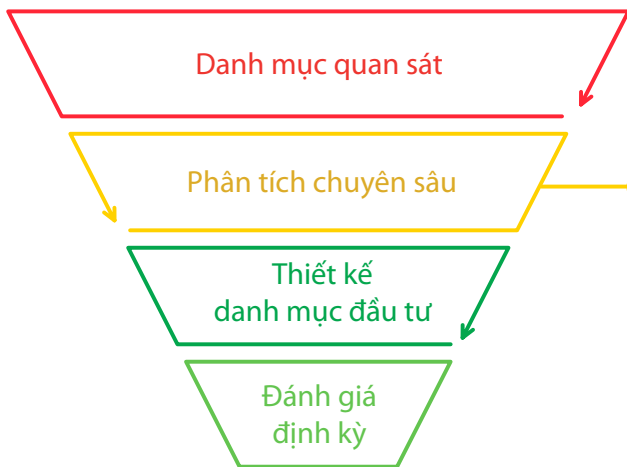
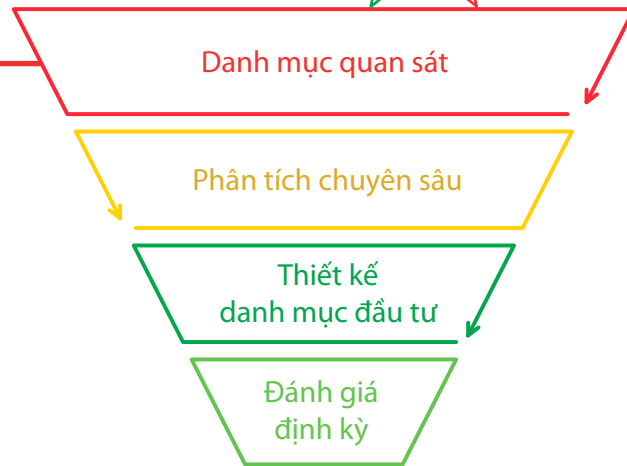
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Quy trình xây dựng danh mục đầu tư



500-600 CỔ PHIẾU

- Các cổ phiếu được đánh giá dựa trên yếu tố cơ bản
- Xác định **chủ đề trọng điểm** thu hút được dòng tiền lớn tham gia
- Đảm bảo đạt được các tiêu chí của công cụ **SmartScore, SmartTrade**



200 CỔ PHIẾU

Đưa các cp vào danh mục dựa trên các yếu tố Lợi suất kỳ vọng & Rủi ro thỏa mãn những tiêu chí sau (có thể tùy vào từng danh mục):

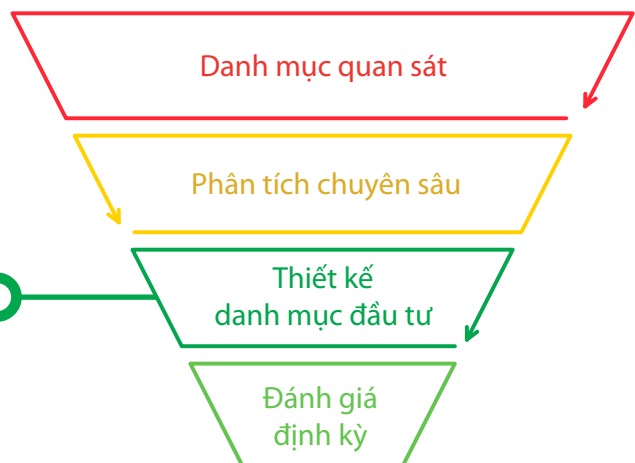
- Định giá hấp dẫn.
- Hiệu suất sinh lời hợp lý.
- Tiềm năng tăng giá, upside hấp dẫn (lớn hơn 20%).
- Điểm mua/bán phù hợp với diễn biến thị trường.

100 CỔ PHIẾU

Thiết lập danh mục đầu tư tương ứng phân bổ tỷ trọng phù hợp với Rủi ro & Lợi suất đầu tư

Quan sát biến động giá trong vòng 3-6 tháng gần nhất để chọn ra vùng giá mua hợp lý

Thay vì cố gắng tìm cách mua đáy bán đỉnh, chúng tôi tìm kiếm những cổ phiếu đang giao dịch ở vùng đáy trung/dài hạn với mức biên an toàn đủ lớn. Từ đó, lợi nhuận của danh mục được đảm bảo tăng trưởng bền vững hơn.



Diễn giải

[1] Phân loại cổ phiếu:

- **Cổ phiếu phòng thủ** là loại cổ phiếu mang lại cổ tức và dòng thu nhập ổn định bất kể tình hình của thị trường chứng khoán. Do nhu cầu liên tục cho các sản phẩm/dịch vụ của công ty mình, cổ phiếu phòng thủ có xu hướng duy trì sự ổn định trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh. Một số cổ phiếu thuộc các ngành nghề đặc trưng với tính phòng thủ như y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước...
- **Cổ phiếu tăng trưởng** là cổ phiếu của một công ty được dự đoán sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể so với mức tăng trung bình của thị trường. Những cổ phiếu này thường ít trả cổ tức, thay vào đó công ty thường tái đầu tư tất cả thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư sau đó kiếm được tiền nhờ tăng trưởng giá ẩn tượng khi họ bán cổ phiếu.

Do không có cổ tức, đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng có thể khá rủi ro. Cơ hội duy nhất mà một nhà đầu tư kiếm được tiền là khi họ bán cổ phần của mình và hưởng lợi từ mức giá phản ánh câu chuyện tăng trưởng trong tương lai của doanh nghiệp.

Chấm điểm cổ phiếu SmartScore

Điểm **Định giá** tập trung đo lường để xem xét thị giá của cổ phiếu đang cao hay thấp so với giá trị thực hoặc so với ngành. Các tiêu chí trong cấu phần điểm Định giá:

- P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/S,...
- Vốn hoá thị trường,...

Điểm **Chất lượng** tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Các tiêu chí cấu phần điểm Chất lượng:

- Chỉ số Hoạt động: vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay phải trả,...
- Chỉ số Thanh khoản: chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán hiện hành,...
- Chỉ số Cơ cấu tài sản: nợ vay/vốn chủ sở hữu, nợ vay/tài sản,...
- Chỉ số Hiệu quả: biên lợi nhuận thuần, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận ròng,...
- Chỉ số Tăng trưởng: tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận ròng, tăng trưởng EPS, CAGR lợi nhuận ròng (4 năm),...

Điểm **Động lượng** tập trung đo lường biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu trên thị trường. Các tiêu chí cấu phần điểm Động lượng:

- Khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình 3 tháng, 2 tuần,...
 - Tỷ lệ thay đổi giá của cổ phiếu 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng,...
 - Khối lượng giao dịch 2 tuần/ 3 tháng,...
-



THẤU HIỂU SẢN PHẨM - TỐI ƯU LỢI NHUẬN

smartDragon

Nền tảng hỗ trợ đặc lực Cho đầu tư chứng khoán

Hệ thống biểu đồ
đa dạng

Khuyến nghị điểm mua/bán
tối ưu



Gợi ý
danh mục đầu tư

Chăm điểm cổ phiếu
vượt trội



Trợ lý ảo
tư vấn đầu tư



KHÁM PHÁ NGAY!